TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ T,** **TỈNH ANGIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 312/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19 – 8 – 2019

V/v ly hôn giữa chị T và anh T1

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tám

2. Ông Nguyễn Văn Ngân

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bùi Văn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T tham gia phiên tòa:

Ông Ngô Minh Đông – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 8 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cao Thị T – Sinh năm 1994 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 1, phường Láng Tr, thị xã Giá R, tỉnh Bạc L.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Công T1 – Sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Bình Tr, xã Bình Thạnh Đ, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09-5-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cao Thị T trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Sau khi tìm hiểu về tình cảm, tháng 12-2015 chị và anh Huỳnh Công T1 tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường

Láng Tr, thị xã Giá R, tỉnh Bạc Liêu, Giấy chứng nhận kết hôn số 86/2016 ngày 04-7-2016. Vợ chồng sống hạnh phúc được một năm, năm 2016 phát sinh mâu thuẫn do anh T1 ăn chơi, cờ bạc, không quan tâm đến vợ con, vợ chồng thường xuyên cự cãi, từ tháng 5-2017 đến nay vợ chồng ly thân. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1. Ngày 19-6-2019 chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn là anh Huỳnh Công T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không gửi ý kiến bằng văn bản, nên không có lời khai.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Cao Tr, sinh ngày 04/12/2016, chị T đang nuôi, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng.

- Về chia tài sản và nợ chung: Không có.

Theo chị T trình bày mâu thuẫn vợ chồng có cha ruột tên Cao T2 và cha chồng tên Huỳnh N biết. Tại Từ tường trình của ông Cao T2 trình bày ông là cha ruột của chị T, sau khi cưới vợ chồng T cùng đi làm ăn, khi T sinh con trở về sống với ông, quá trình chung sống T1 ăn chơi, cờ bạc, không quan tâm vợ con, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi, khoảng tháng 5-2017 đến nay T1 không về chung sống với T. Ông nhận thấy vợ chồng chị T đã ly thân thời gian dài, không thể hàn gắn được nữa, ông đề nghị Tòa án cho chị T được ly hôn anh T1.

Tại biên bản xác minh ngày 27-6-2019 của Tòa án, ông Lê N cho biết ông là cha ruột của anh T1, vợ T1 tên Cao Thị T, năm 2015 ông tổ chứa lễ cưới cho vợ chồng T, thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cự cãi do anh T1 ăn chơi, khoảng năm 2017 vợ chồng ly thân, nay chị T yêu cầu ly hôn tùy Tòa án quyết định.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật, riêng anh Huỳnh Công T1 (là bị đơn) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy anh T1 chấp hành nghĩa vụ tố tụng dân sự chưa nghiêm. Về nội dung, chị T yêu cầu ly hôn với anh T1 do vợ chồng mâu thuẫn, thời gian ly thân anh chị không hàn gắn,; về nuôi con chung từ lúc ly thân đến nay chị T nuôi con, chị yêu cầu tiếp tục nuôi. Xét yêu cầu của chị T phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Chị Cao Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Công T1 Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Huỳnh Công T1 (là bị đơn) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn T1 hành xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh T1.

[3] Về nội dung:

[4] Hôn nhân của chị T và anh T1 là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng do anh T1 không lo làm ăn, không quan tâm vợ con, thời gian ly thân anh chị cũng không gặp nhau hàn gắn, cha mẹ hai bên cũng nhận thấy anh chị mâu thuẫn và ly thân, ông Tình cha chị T đề nghị Tòa án cho ly hôn. Từ đó, cho thấy hôn nhân của chị T và anh T1 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho ly hôn giữa chị T và anh T1.

[5] Về nuôi con chung: Chị T yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Tr và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng, từ lúc vợ chồng ly thân đến nay chị T trực tiếp nuôi con và có cuộc sống ổn định, chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng là tự nguyện của chị. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T được tiếp tục nuôi cháu Tr, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

[6] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình anh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về chia tài sản: Không có, Tòa án không đề cập.

[8] Về nợ chung: Ghi nhận chị T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[9] Về án phí sơ thẩm, căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Cao Thị T và anh Huỳnh Công T1. Giấy chứng nhận kết hôn số 86/2016 ngày 04-7-2016 của Ủy ban nhân dân phường Láng Tròn, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Huỳnh Cao Tr, sinh ngày 04/12/2016 cho chị Cao Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay chị T đang nuôi. Anh Huỳnh Công T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Anh Huỳnh Công T1 không trực tiếp nuôi con, anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không có

Về nợ chung: Ghi nhận chị T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Cao Thị T phải chịu 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0005784 ngày 29-5-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú T;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- UBND phường Láng Tr, thị xã Giá R, tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Kim Phương